BỘ TÀI CHÍNH

Kết quả thoái vốn, cổ phần hóa DNNN 6 tháng đầu năm 2019; nội dung cơ bản chuyển ĐVNCL thành công ty cổ phần

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ CỔ PHẦN HÓA, THOÁI VỐN DNNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

I. Tình hình triển khai cơ cấu lại DNNN

1. Tình hình cổ phần hóa

Theo công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ thì năm 2019 cổ phần hóa 18 doanh nghiệp.

Tính đến hết Quý II/2019, có 06 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa, tuy nhiên trong đó chỉ có 01 doanh nghiệp thuộc danh mục các doanh nghiệp cổ phần hóa theo công văn số 991/TTg-ĐMDN.

Lũy kế đến hết Quý II/2019, đã có 35/127 doanh nghiệp cổ phần hóa thuộc danh mục phải cổ phần hóa theo công văn số 991/TTg-ĐMDN. Như vậy, tiến độ cổ phần hóa các doanh nghiệp chưa đạt được kế hoạch đề ra, số lượng doanh nghiệp còn phải cổ phần hóa là 92/127 doanh nghiệp, chiếm 72% kế hoạch.

2. Tình hình thoái vốn

a) Tình hình thoái vốn theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

- Theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, năm 2019 thực hiện thoái vốn tại 62 doanh nghiệp.

- Tính đến hết Quý II/2019, có 09 doanh nghiệp thuộc danh mục ban hành theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg thực hiện thoái vốn với giá trị 759 tỷ đồng, thu về 1.657 tỷ đồng, trong đó Bộ Xây dựng thoái vốn tại Tổng công ty Viglacera với giá trị sổ sách 690 tỷ đồng, thu về 1.587 tỷ đồng.

- Lũy kế từ năm 2017 đến hết Quý II/2019: Thoái vốn nhà nước tại 88 đơn vị với giá trị 4.549 tỷ đồng, thu về 8.765 tỷ đồng.

b) Tình hình thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp ngoài Quyết định số 1232/QĐ-TTg

Lũy kế từ năm 2017 đến hết Quý II/2019: cả nước đã thoái 3.785 tỷ đồng, thu về 110.392 tỷ đồng (bao gồm khoản thoái 3.436 tỷ đồng, thu về 109.965 tỷ đồng tại Sabeco).

c) Tình hình thoái vốn của các Tập đoàn, Tổng công ty, DNNN theo Đề án cơ cấu lại

- Tính đến hết Quý II/2019, các tập đoàn, Tổng công ty, DNNN thoái vốn với tổng giá 1.333 tỷ đồng, thu về 2.174 tỷ đồng, trong đó:

+ Viettel thực hiện thoái 1.290 tỷ đồng tại Tổng công ty CP Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam, thu về 2.002 tỷ đồng.

+ SCIC thực hiện thoái vốn tại 05 doanh nghiệp với giá trị sổ sách 36 tỷ đồng, thu về 166 tỷ đồng

- Lũy kế từ năm 2016 đến hết Quý II/2019: Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước thực hiện thoái 15.821 tỷ đồng, thu về 50.630 tỷ đồng, trong đó:

+ Thoái vốn tại các lĩnh vực nhạy cảm 4.617 tỷ đồng, thu về 5.888 tỷ đồng;

+ Thoái vốn tại các lĩnh vực khác 4.917 tỷ đồng, thu về 8.807 tỷ đồng;

+ SCIC thực hiện thoái vốn với giá trị 6.286 tỷ đồng, thu về 35.933 tỷ đồng.

d) Tổng số thoái vốn trong 06 tháng đầu năm 2019: thoái 2.092 tỷ đồng, thu về 3.831 tỷ đồng.

Lũy kế tổng số thoái vốn từ năm 2016 đến hết Quý II/2019: thoái 24.157 tỷ đồng, thu về 169.787 tỷ đồng.

3. Kế hoạch và tình hình sử dụng thu từ cổ phần hóa, thoái vốn

Trong 06 tháng đầu năm 2019, Bộ Tài chính đã chuyển 30.000 tỷ đồng từ Quỹ vào NSNN, số còn phải chuyển về NSNN trong năm 2019 là 20.000 tỷ đồng. Từ năm 2016 đến Quý II/2019, đã chuyển 185.000 tỷ đồng, còn phải chuyển 65.000 tỷ đồng từ Quỹ vào NSNN theo Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10/11/2016 của Quốc hội.

4. Tình hình đăng ký, giao dịch niêm yết trên thị trường chứng khoán

Ngày 15/8/2017, Bộ Tài chính đã công khai danh sách 747 doanh nghiệp cổ phần hóa chưa đăng ký giao dịch niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Đến hết Quý II/2019, theo rà soát của Bộ Tài chính (UBCKNN) vẫn còn 622 doanh nghiệp chưa thực hiện đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Bộ Tài chính đã tiếp tục rà soát, bổ sung 158 doanh nghiệp vào danh sách các doanh nghiệp cổ phần hóa phải thực hiện đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán. Như vậy, đến nay còn 780 doanh nghiệp cổ phần hóa phải thực hiện đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán.

5. Việc bàn giao các doanh nghiệp có vốn nhà nước về SCIC

Theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg, giai đoạn 2017 - 2020 các Bộ, ngành, địa phương phải chuyển giao về SCIC 62 doanh nghiệp (04 DN năm 2017, 55 DN năm 2018, 03 DN năm 2019). Tính đến hết năm 2018, các bộ, ngành, địa phương đã hoàn thành chuyển giao 30/62 doanh nghiệp với tổng vốn nhà nước

là 4.069 tỷ đồng (trong đó, năm 2017 đã chuyển giao 21 doanh nghiệp với số vốn nhà nước là 822 tỷ đồng, năm 2018 đã chuyển giao 09 doanh nghiệp với số vốn nhà nước là 3.248 tỷ đồng). Trong 06 tháng đầu năm 2019, có 02 doanh nghiệp bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về SCIC (Công ty cổ phần phát triển văn hóa du lịch Vũng Tàu với số vốn nhà nước là 751 triệu đồng, Tổng công ty Thép Việt Nam với số vốn nhà nước là 6.368 tỷ dồng). Số doanh nghiệp chưa chuyển giao gồm 29 doanh nghiệp với tổng số vốn nhà nước là 630 tỷ đồng.

II. Nhận xét, đánh giá

1. Các kết quả đạt được

Tiếp tục khẳng định cổ phần hóa là giải pháp quan trọng trong sắp xếp, đổi mới, cơ cấu lại DNNN. Đến nay cơ chế, chính sách về cổ phần hóa DNNN đã tiếp tục được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện nhằm tạo cơ sở pháp lý để đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn và hạn chế thất thoát vốn, tài sản nhà nước trong quá trình cổ phần hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bán cổ phần và thu hút được các nhà đầu tư có tiềm năng, đồng thời quan tâm, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người lao động. Kết quả công tác cổ phần hóa, thoái vốn đã có tác động tích cực tới sự phát triển của thị trường chứng khoán, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp sau cổ phần hóa, hầu hết các DNNN sau cổ phần hóa đều sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, nộp ngân sách và thu nhập của người lao động được nâng lên.

2. Các tồn tại, hạn chế

- Một số Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước còn chưa thực sự nghiêm túc triển khai kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và chấp hành chế độ báo cáo. Vai trò, nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu doanh nghiệp, đơn vị còn chưa cao, chưa quyết liệt trong việc đổi mới hoạt động của doanh nghiệp, công khai minh bạch, đúng quy định pháp luật, đảm bảo nguyên tắc thị trường, chống lợi ích nhóm trong cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước.

- Quá trình cổ phần hóa DNNN cần có nhiều thời gian để xử lý vướng mắc về tài chính, đất đai, lao động trong giai đoạn trước cổ phần hóa làm kéo dài thời gian thực hiện cổ phần hóa. Đặc biệt là vấn đề xác lập hồ sơ pháp lý đất đai do Ủy ban nhân dân địa phương thực hiện chậm, kéo dài thời gian hơn so với quy định dẫn đến các doanh nghiệp phải điều chỉnh tiến độ cổ phần hóa.

- Tỷ lệ vốn nhà nước trong phương án cổ phần hóa DNNN còn cao dẫn đến giảm sức hút đối với các nhà đầu tư mua cổ phần, ảnh hưởng đến thành công của việc cổ phần hóa.

- Việc chậm quyết toán bàn giao sang công ty cổ phần của các doanh nghiệp cổ phần hóa đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, làm ảnh hưởng đến công tác bàn giao và thu nộp các khoản về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

- Việc bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về SCIC còn chậm, chưa đảm bảo kế hoạch theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Nhiều doanh nghiệp chậm đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán làm ảnh hưởng đến tính công khai, minh bạch của thị trường, chậm đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp sau cổ phần theo thông lệ và chuẩn mực của các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán, cũng như hạn chế công tác giám sát của toàn xã hội đối với hoạt động của các doanh nghiệp này.

III. Giải pháp đẩy mạnh công tác cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước trong giai đoạn tới

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN theo Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII, Nghị quyết số 60/NQ-QH14 của Quốc hội, tạo sự nhất trí cao trong toàn hệ thống chính trị để nâng cao hơn nữa nhận thức và có hành động quyết liệt, cụ thể trong thực hiện.

2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, khung khổ pháp lý về tổ chức quản lý và hoạt động của DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước về cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại doanh nghiệp theo chỉ đạo, phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 02/10/2017, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 và Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 05/01/2019, trong đó:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thay thế các Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg, Quyết định số 1232/QĐ-TTg và công văn số 991/TTg-ĐMDN.

- Bộ Tài chính rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến cổ phần hóa, thoái vốn, đặc biệt là Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg và các Thông tư hướng dẫn.

3. Thủ trưởng, người đứng đầu các Bộ, ngành, địa phương, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp chịu trách nhiệm đôn đốc các Tập đoàn, Tổng công ty, DNNN triển khai thực hiện phương án cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại đã được phê duyệt.

4. Các DNNN thuộc diện cổ phần hóa cần khẩn trương rà soát toàn bộ quỹ đất đang quản lý, sử dụng để lập phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai trình Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến về phương án và giá đất để cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo đúng quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017.

5. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước đôn đốc các doanh nghiệp đã cổ phần hóa:

- Thực hiện nghiêm việc đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

- Đối với các doanh nghiệp đã cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, đề nghị thực hiện quyết toán công tác cổ phần hóa; xác định số phải nộp/tạm nộp và thực hiện nộp về Quỹ theo quy định, trường hợp không đảm bảo thời gian thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ giải trình rõ nguyên nhân và chịu trách nhiệm về sự chậm trễ này.

- Thực hiện bàn giao các doanh nghiệp thuộc diện phải bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về SCIC theo đúng quy định hiện hành.

6. Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - con kiểm tra, giám sát, đôn đốc các doanh nghiệp trực thuộc nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu về Quỹ bao gồm cả lãi chậm nộp (nếu có) theo quy định./.

Phần thứ hai

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CHUYỂN ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

I. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành nghị định

1. Nhằm thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý, chuyển đổi các ĐVSNCL thành CTCP: Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành TW đã quyết nghị về chủ trương chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) thành công ty cổ phần (CTCP);

2. Để đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và định hướng sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật liên quan như Nghị định số 126/2017/NĐ-CP về chuyển DN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, *Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn.*

3. Để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của việc đổi mới cơ chế quản lý và đẩy mạnh xã hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công lập:

- Cả nước còn gần 58.000 đơn vị SNCL với số lượng lao động đạt hơn 2,5 triệu người. Tuy nhiên, đến năm 2018 số lượng cổ phần hóa chỉ được trên 50 đơn vị, chưa đạt 0,09% số đơn vị SNCL đang hoạt động.

- Mặt khác, trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg đã bộc lộ một số bất cập, vướng mắc cần được điều chỉnh:

+ Chưa có quy định chặt chẽ về nghĩa vụ tiếp tục cung cấp dịch vụ công của doanh nghiệp chuyển đổi từ ĐVSNCL, chế tài nếu ĐVSNCL không tiếp tục cung cấp dịch vụ công hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

+ Chưa quy định cơ chế giám sát, tổng hợp báo cáo về tình hình cung cấp dịch vụ công của các doanh nghiệp này.

+ Chưa quy định hết đối tượng các ĐVSNCL có khả năng chuyển đổi thành CTCP như các ĐVSNCL thuộc các cơ quan chuyên môn của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Chưa có hướng dẫn xử lý một số nội dung tài chính đặc thù của ĐVSNCL.

+ Chưa có quy định về bán toàn bộ phần vốn nhà nước hiện có tại ĐVSNCL hoặc kết hợp vừa bán toàn bộ vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;

+ Nhiều nội dung của Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg dẫn chiếu tới quy định về cổ phần hóa doanh nghiệp. Tuy nhiên, các quy định về tài chính, kế toán đối với ĐVSNCL và doanh nghiệp là khác nhau. Do vậy, việc hướng dẫn chuyển đổi các ĐVSNCL thực hiện theo quy định như đối với chuyển đổi DNNN thành CTCP có thể tạo bất cập, khó khăn cho các đơn vị.

+ Phần lớn ĐVSNCL đủ điều kiện chuyển đổi thành CTCP có quy mô nhỏ, tuy nhiên Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg đang quy định Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án chuyển đổi. Quy định này tăng khối lượng công việc của Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Chính phủ, hạn chế tính chủ động của cơ quan chủ quản và kéo dài thời gian chuyển các ĐVSNCL thành CTCP.

II. Các chính sách đề xuất trong dự thảo nghị định

Để thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý, chuyển đổi các ĐVSNCL thành CTCP, khắc phục các vướng mắc trong quá trình chuyển đổi ĐVSNCL, dự kiến nội dung Nghị định sẽ gồm 9 chính sách lớn:

1. Về đối tượng ĐVSNCL chuyển đổi thành CTCP gồm:

(1) ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

(2) ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh; ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; ĐVSNCL thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

(3) ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL;

(4) ĐVSNCL thuộc doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

2. Về điều kiện chuyển ĐVSNCL thành CTCP

Bộ Tài chính đề xuất 3 điều kiện mà ĐVSNCL cần đáp ứng để chuyển thành CTCP bao gồm:

(i) Tự đảm bảo chi thường xuyên và đầu tư hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên trong năm gần nhất với thời điểm thực hiện chuyển đổi;

(ii) Còn vốn nhà nước sau khi đã được xử lý tài chính và xác định lại giá trị ĐVSNCL;

(iii) Thuộc danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển ĐVSNCL thành CTCP do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ.

3. Về hình thức chuyển đổi ĐVSNCL

Các hình thức chuyển đổi ĐVSNCL bao gồm: (i) Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại ĐVSNCL, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; (ii) Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại ĐVSNCL hoặc kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; (iii) Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại ĐVSNCL hoặc kết hợp vừa bán toàn bộ vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;

4. Về xử lý tài chính tại thời điểm xác định giá trị ĐVSNCL

- Về sắp xếp, xử lý nhà, đất: Nội dung về xử lý nhà, đất của ĐVSNCL chưa được quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg. Do vậy, để đảm bảo việc hướng dẫn chuyển đổi ĐVSNCL được đầy đủ, Bộ Tài chính đề xuất quy

định về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của ĐVSNCL theo quy định của Chính phủ về sắp xếp, xử lý tài sản công, phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai trước khi quyết định phê duyệt phương án chuyển đổi; Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng đề xuất quy định về phương án sử dụng đất và giám sát tình hình sử dụng đất của doanh nghiệp sau chuyển đổi.

- Về xử lý tài chính đối với ĐVSNCL thành CTCP, Quyết định số 22/2015/QĐ-TTG chưa có quy định về xử lý tài chính đối với một số nội dung đặc thù của ĐVSNCL như: Các khoản kinh phí ĐVSNCL được ngân sách nhà nước, Công ty mẹ hoặc đơn vị cấp trên cấp để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị; Số dư các Quỹ đặc thù của ĐVSNCL như Nguồn thực hiện cải cách tiền lương; Số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi; Số dư Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp...

Để khắc phục các vướng mắc phát sinh trong xử lý tài chính đối với các nội dung đặc thù của các ĐVSNCL, Bộ Tài chính đề xuất quy định tại Nghị định phương án và thẩm quyền xử lý đối với các nội dung trên.

5. Về xác định giá trị ĐVSNCL

Căn cứ tình hình, đặc điểm của ĐVSNCL, tổ chức tư vấn xác định giá trị ĐVSNCL lựa chọn các phương pháp xác định giá trị thích hợp theo quy định của pháp luật giá và thẩm định giá để xác định giá trị ĐVSNCL. Giá trị ĐVSNCL và giá trị vốn nhà nước tại ĐVSNCL được xác định không được thấp hơn giá trị được xác định theo phương pháp tài sản.

So với quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg (chỉ áp dụng phương pháp tài sản khi xác định giá trị ĐVSNCL), đề xuất trên của Bộ Tài chính đã bổ sung thêm việc áp dụng các phương pháp khác theo pháp luật về giá và thẩm định giá để xác định giá trị ĐVSNCL.

6. Về đối tượng và điều kiện mua cổ phần

- Đối tượng mua cổ phần của ĐVSNCL chuyển đổi gồm: (i) Nhà đầu tư trong nước; (ii) Nhà đầu tư nước ngoài; (iii) Nhà đầu tư chiến lược.

- Về quy định bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược:

+ Việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với các ĐVSNCL thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

+ Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có đủ các điều kiện sau: (1) Có đủ tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật; (2) Có năng lực tài chính và có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 02 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng ký mua cổ phần có lãi, không có lỗ lũy kế; (3) Có ngành nghề kinh doanh trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công của ĐVSNCL chuyển đổi; (4) Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền khi đăng ký trở thành nhà đầu tư chiến lược của ĐVSNCL chuyển đổi về những nội dung việc duy trì ngành nghề kinh doanh chính và thương hiệu của

ĐVSNCL chuyển đổi, về việc không chuyển nhượng cổ phần được mua trong vòng 3 năm kể từ ngày CTCP được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

7. Về quản lý, sử dụng tiền thu từ chuyển đổi ĐVSNCL thành CTCP

Theo quy định của Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg, số tiền thu được từ chuyển đổi ĐVSNCL sau khi trừ các khoản chi phí chuyển đổi và chi phí giải quyết chính sách cho người lao động được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp tại công ty mẹ tập đoàn kinh tế tổng công ty nhà nước hoặc Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đối với đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh.

Tuy nhiên, theo quy định của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ thì hiện tại không còn Quỹ hỗ trợ sắp xếp tại công ty mẹ tập đoàn kinh tế tổng công ty nhà nước. Đồng thời, hiện nay Chính phủ đang xây dựng trình Quốc hội Nghị quyết về quản lý nguồn thu từ cổ phần hóa các DNNN và chuyển đổi ĐVSNCL thành CTCP.

Do vậy Bộ Tài chính có đề xuất việc nộp tiền thu từ chuyển đổi ĐVSNCL thành CTCP thực hiện theo Nghị quyết của Quốc hội về quản lý tiền thu từ cổ phần hóa DNNN và quy định hiện hành về chuyển đổi ĐVSNCL thành CTCP.

8. Về các chính sách ưu đãi đối với ĐVSNCL và người lao động khi chuyển ĐVSNCL thành CTCP

- Về chính sách ưu đãi cho ĐVSNCL chuyển đổi: (i) Được hưởng các ưu đãi về lệ phí trước bạ theo quy định của Luật phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn; (ii) Được ký lại các hợp đồng thuê đất theo quy định của pháp luật; (iii) Đối với công trình phúc lợi là nhà trẻ, nhà mẫu giáo, bệnh xá và các tài sản phúc lợi khác đầu tư bằng nguồn Quỹ phúc lợi thì chuyển giao cho tổ chức công đoàn tại CTCP quản lý, sử dụng để phục vụ tập thể người lao động trong CTCP; (iv) Được áp dụng các ưu đãi về hoạt động khoa học, công nghệ, chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định của Chính phủ;

- Về chính sách đối với người lao động trong ĐVSNCL chuyển đổi: (i) Được mua cổ phần với giá ưu đãi; (ii) Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm cổ phần; (iv) Được chia số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi; (v) Được hưởng chế độ hưu trí và các quyền lợi theo chế độ hiện hành nếu đã có đủ điều kiện tại thời điểm công bố giá trị ĐVSNCL; Được tiếp tục tham gia và hưởng quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo quy định hiện hành khi chuyển sang CTCP; (vi) Được hưởng các chính sách về lao động dôi dư theo quy định. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể nội dung này.

9. Về quyền hạn và trách nhiệm trong tổ chức thực hiện chuyển đổi

- Quyền hạn và trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ: (i) Quyết định ban hành Danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển ĐVSNCL thành CTCP; (ii) Phê duyệt danh mục chuyển đổi ĐVSNCL thành CTCP của các Bộ, ngành, địa

phương; (iii) Xem xét, quyết định xử lý các vấn đề đặc thù chưa được quy định cụ thể tại Nghị định này trên cơ sở đề nghị của các Bộ và UBND cấp tỉnh.

- Tại chính sách này, Bộ Tài chính cũng đề xuất quy định về quyền hạn và trách nhiệm của Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, của Hội đồng thành viên Công ty mẹ Tập đoàn kinh tế, TCT nhà nước; Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch DNNN có ĐVSNCL cần chuyển đổi. Đồng thời Bộ Tài chính cũng đề xuất quy định về quyền hạn và trách nhiệm trong việc giám sát của địa phương và Bộ quản lý ngành đối với DN sau chuyển đổi; Trách nhiệm của Bộ KHĐT về tổng hợp báo cáo hằng năm về tình hình chuyển đổi và kết quả cổ phần hóa ĐVSNCL.

So với Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg, Bộ Tài chính đã đề nghị điều chỉnh lại thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh trong việc phê duyệt phương án chuyển đổi ĐVSNCL theo hướng: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục chuyển đổi; giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh phê duyệt phương án chuyển đổi (theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg thì Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án chuyển đổi).

Lý do: Việc điều chỉnh trách nhiệm, quyền hạn trong tổ chức chuyển đổi ĐVSNCL như trên sẽ giúp giảm thủ tục và thời gian thực hiện chuyển đổi, thể hiện được sự tăng cường phân cấp, phân quyền theo chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành TW khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả.